

Vietnam

Hướng Dẫn Điều Tra Ngoại Nghiệp Linh Trưởng Primate Field Guide

LANGURS • MACAQUES • LORISES • GIBBONS



Citation: Baker, L.R.;
Nadler, T. & Geissmann,
T. (2000): *Viet Nam –
Primate Field Guide*.

Fauna & Flora International, Indochina Programme, Hanoi. 8 pp.
(English and Vietnamese text).



FAUNA & FLORA INTERNATIONAL - INDOCHINA PROGRAMME

THE CANADIAN EMBASSY - HANOI

WALT DISNEY FOUNDATION - USA

ENDANGERED PRIMATE RESCUE CENTER - VIETNAM

MARD - FOREST PROTECTION DEPARTMENT OF VIETNAM



Về Bản Hướng Dẫn Nay About This Guide

Cuốn hướng dẫn ngoại nghiệp này là một tài liệu tra cứu nhanh khái quát về linh trưởng Việt Nam. Hiện nay có bốn loài linh trưởng được phát hiện là chỉ có ở Việt Nam đó là: Chà và chàm xám, Voọc quần đùi trắng, Voọc đầu vàng và Voọc mũi hέch. Hầu hết các loài linh trưởng ở Việt Nam đều trong tình trạng **Nguy Cấp** do sức ép của săn bắn, buôn bán động vật hoang dã và sự mất dần sinh cảnh của chúng. Tất cả các loài linh trưởng Việt Nam đều được luật pháp bảo vệ - điều đó có nghĩa là không một loài linh trưởng nào có thể bị bắn giết, mua bán hoặc nuôi giữ. Tất cả những việc làm đó đều là phạm pháp!

Hầu hết các loài linh trưởng đều sống thành từng nhóm gia đình trong môi trường hoang dã. Mỗi nhóm thường có một hai con đực, mấy con cái, các con non và con nhỏ. Những con voọc con (không kể loài Voọc và và Voọc mũi hέch) khi mới sinh ra lông chúng đều có màu da cam nhạt và ngay trong năm đầu lông của chúng chuyển dần có màu giống những con trưởng thành. Các loài vượn thường sống theo chế độ một vợ một chồng. Trong đơn vị sống gia đình của chúng thường thay một con đực, một con cái trưởng thành và các thế hệ con cháu của chúng. Các con vượn đen khi sinh ra có màu vàng. Tương phản với rất nhiều loài linh trưởng khác, culli thường đi kiếm thức ăn đơn lẻ.

Trong khi các loài voọc được coi là loài linh trưởng đuôi dài, thi culli lại có đuôi rất ngắn, và vượn thi không có đuôi.

Key to Symbols



Chỉ ra rằng trong
môi trường hoang
dã, loài này chỉ có
ở Việt Nam

Indicates that
in the wild, the
species occurs
only in Vietnam

This field guide is a quick-reference overview of the primates of Vietnam. There are four primate species found only in Vietnam: the Delacour's langur, Grey-shanked douc langur, Golden-headed langur, and Tonkin snub-nosed monkey (a Vietnam flag appears next to these species' photos to indicate that they occur only in Vietnam).

Most primates in Vietnam are **ENDANGERED** due to heavy hunting pressure, the trade in wildlife, and habitat loss. All primates are fully protected by Vietnamese law – meaning no primate can be hunted, sold, traded, or kept as a pet. Such activity is *illegal*!

Nearly all primates live in family groups in the wild. These groups consist of one adult male or a few adult males, some adult females, juveniles, and infants. Infant langurs (excluding the douc and snub-nosed langurs) are born bright orange-yellow and gradually change to their adult color during their first year. Gibbons are usually found in monogamous family units consisting of an adult male, adult female, and their offspring. Infant gibbons are born yellow. In contrast to many other primates, lorises are often solitary when foraging for food.

While langurs are known for their long tails, lorises have very short tails, and gibbons do not have tails. Macaques' tails range from very short to very long.



Mô tả phân bố
của các loài ở
Việt Nam

Shows the
distribution
of the species
in Vietnam

Scientific advisors: Tilo Nadler (EPRC), Thomas Geissmann; Design & text: Lynne R. Baker

Cover photos: Tilo Nadler (5), Noel Rowe (4), Thomas Geissmann (1). Map design: Mai Ky Vinh

References: The Pictorial Guide to Living Primates (Rowe, 1996); Primate Conservation Status Review of the Langurs &

Gibbons of Vietnam (FFI, 2000); Asian Primate Conservation: The Species & the IUCN/SSC Primate Specialist Group Network (Eudey, 1996);

Distribution and Status of Vietnamese Primates: Paper on the Workshop on a Conservation Action Plan for the Primates of Vietnam (Pham Nhat et al., 1998).

Primate Field Guide is published by FFI and funded by the Canadian Embassy-Hanoi, with additional financial support from the Walt Disney Foundation

Voọc và là loài khỉ lớn ăn lá cây được tìm thấy ở Đông Dương (Việt Nam, Lào và Campuchia). Chúng hoạt động vào ban ngày, Voọc và chủ yếu ăn lá cây và nếu chúng buộc phải ăn các loại thức ăn khác như hạt và quả chúng sẽ bị ốm rất nặng. Chúng chủ yếu sống và sinh hoạt ở trên cây.

Douc langurs are large leaf-eating monkeys found only in Indochina (Vietnam, Laos, and Cambodia). Active during the day, douc langurs eat predominantly leaves and can become extremely ill if they ingest other types of food, such as nuts and fruits. Douc langurs spend most of their time in the trees.



Chà Vá Chân Đen Black-Shanked Douc Langur *Pygathrix nigripes*

Đặc điểm nhận biết: Lưng có màu sẫm, phần thân phía trước và tay có màu xám bạc; chân có màu đen; mặt có màu xanh và xung quanh mắt có viền tròn màu kem; trán có màu xám đen; đuôi trắng

Key features: Dark back and white-grey underparts and arms; black legs; blue face with cream around eyes; forehead is black; white tail

Sách Đỏ IUCN/IUCN Red List: **Nguy Cấp/ENDANGERED**

Tình trạng ở Việt Nam/Vietnam Status: **Nguy Cấp/
ENDANGERED**





Chà Vá Chân Xám Grey-Shanked Douc Langur *Pygathrix cinerea*





Đặc điểm nhận biết: Lưng, tay và chân màu xám; phần thân phía trước có màu xám nhạt; mặt có màu kem xung quanh mõm có viền màu trắng; có "râu" cầm ngắn màu trắng; trán có màu xám; đuôi trắng

Key features: Grey back, arms, and legs; white-grey underparts; cream face with white around mouth; short white "whiskers"; forehead is grey; white tail

Sách Đỏ IUCN/IUCN Red List: **Không Có Số Liệu/None**

Tình trạng ở Việt Nam/Vietnam Status:
Thiếu Số Liệu/Data Deficient

Chà Vá Chân Nâu Red-Shanked Douc Langur *Pygathrix nemaeus*

Đặc điểm nhận biết: Lưng và phía trước màu xám; phần trên của chân có màu đen; phần dưới của chân màu đỏ; phần dưới của tay màu trắng; mặt có màu kem xung quanh mõm có viền màu trắng; có "râu" cầm dài màu trắng; trán có màu xám đen; đuôi trắng

Key features: Grey back and underparts; black upper leg; red lower leg; white lower arms; cream face with white around mouth; long white "whiskers"; forehead is grey-black; white tail

Sách ĐỎ IUCN/IUCN Red List: **Nguy Cấp/ENDANGERED**

Tình trạng ở Việt Nam/Vietnam Status: **Nguy Cấp/
ENDANGERED**

All photos this page: Tilo Nadler

Voọc Langurs

Có nhiều loài khỉ ăn lá - gọi là vooc - được tìm thấy ở Việt Nam. Cuộc sống hoang dã của chúng đều bị đe dọa và chúng đều được coi là những loài nguy cấp hoặc bị đe dọa. Chúng hoạt động vào ban ngày, các loài vooc chủ yếu ăn lá cây và nếu chúng buộc phải ăn các loại thức ăn khác như hạt và quả chúng sẽ bị ốm rất nặng. Voọc là loài linh trưởng trú ngụ ở trên cây và rất hiếm khi chúng xuống dưới mặt đất.



Voọc Đầu Vàng Golden-Headed Langur *Trachypithecus poliocephalus*

Đặc điểm nhận biết:

Lông có màu đen; đầu và hai vai có màu vàng-trắng; hai bên hông những con trưởng thành lông có màu bạc; đuôi dài
Key features: Black body with golden-yellow head and shoulders; adults have silver hips; long tail

Sách Đỏ IUCN/
IUCN Red List:
**Nguy Cấp/
ENDANGERED**

Tình trạng ở Việt Nam/Vietnam Status:

**Cực Kì Nguy Cấp/
CRITICALLY ENDANGERED**



Several different leaf-eating monkeys – called langurs – can be found in Vietnam. All species are at risk in the wild and are considered endangered or threatened. Active during the day, langurs eat predominantly leaves and can become extremely ill if they ingest other types of food, such as certain types of fruit. Langurs are tree-dwellers and rarely come down to the ground.



Voọc Mông Trắng Delacour's Langur *Trachypithecus delacouri*

Đặc điểm nhận biết:
Lông dày màu đen có móng và phần đùi trên có màu trắng và phần đùi dưới có màu đen; đuôi dài

Key features: Thick black hair with white hips and lower back; long tail

Sách Đỏ
IUCN/IUCN
Red List:
**Cực Kì
Nguy Cấp/
CRITICALLY
ENDANGERED**

Tình trạng ở Việt Nam/Vietnam Status:

**Cực Kì Nguy Cấp/
CRITICALLY ENDANGERED**



Voọc Mũi Hếch Tonkin Snub-Nosed Monkey *Rhinopithecus avunculus*



Đặc điểm nhận biết: Lông có màu sẫm trên lưng, hai tay và đuôi; phần lồng bụng và chòm đầu có màu nhạt hơn; Mắt có màu xanh; mõm đỏ hồng; đuôi dài

Key features: Dark-colored back, arms, and tail; whitish underparts and top of head; blue face; pink mouth; long tail

Sách Đỏ IUCN/IUCN Red List:

Cực Kì Nguy Cấp/CRITICALLY ENDANGERED

Tình trạng ở Việt Nam/Vietnam Status:

Cực Kì Nguy Cấp/CRITICALLY ENDANGERED





Voọc Mào Silvered Langur *Trachypithecus cristatus*

Đặc điểm nhận biết: Lông màu xám-hung ở các đầu nhọn của sợi lông có màu bạc; mặt có màu xanh-xám; chỏm đầu có mào; đuôi dài; con non có màu vàng da cam

Key features: Brown-grey hair with silver tips; blue-grey face; crest on head; long tail; infants are orange



Sách Đỏ IUCN/IUCN Red List: ít Nguy Cấp/Lower Risk
Tình trạng ở Việt Nam/Vietnam Status:
Sẽ Nguy Cấp/Vulnerable

Voọc Đen Má Trắng Francois' Langur *Trachypithecus francoisi*

Đặc điểm nhận biết: Lông có màu đen; có mảng lông trắng kéo dài từ khoé miệng sang hai bên tai; chỏm đầu có mào; đuôi dài; con non có màu vàng da cam

Key features: Black hair with white from corner of mouth to ear; crest on head; long tail; infants are orange



ảnh Lồng Ghép = Inset Only; Noel Rowe

Sách Đỏ IUCN/IUCN Red List:
Sẽ Nguy Cấp/Vulnerable
Tình trạng ở Việt Nam/Vietnam Status: Nguy Cấp/ENDANGERED



Voọc Xám Phayre's Langur *Trachypithecus phayrei*

Đặc điểm nhận biết: Lông màu xám-bạc-hung; quanh mắt và mõm có quầng da; chỏm đầu có mào; đuôi dài; con non có màu vàng

Key features: Grey-silver-brown hair; white patch around eyes and mouth; crest on head; long tail; infants are yellow

Sách Đỏ IUCN/IUCN Red List:
Thiếu Số Liệu/Data Deficient
Tình trạng ở Việt Nam/
Vietnam Status:
Sẽ Nguy Cấp/Vulnerable



Voọc Hà Tĩnh (Voọc Gày Trắng) Hatinh Langur *Trachypithecus laotum hatinhensis*

Đặc điểm nhận biết: Lông có màu đen; có hai dải lông trắng kéo dài từ khoé miệng lên quanh hai tai xuống phần gáy; chỏm đầu có mào; đuôi dài; con non có màu vàng da cam

Key features: Black hair with white from corner of mouth, around ear, to base of neck; crest on head; long tail; infants are orange

Sách Đỏ IUCN/IUCN Red List:
Thiếu Số Liệu/Data Deficient
Tình trạng ở Việt Nam/Vietnam Status:
Nguy Cấp/ENDANGERED

Voọc Đen Tuyền Black Langur *Trachypithecus laotum ebenus*

Đặc điểm nhận biết: Lông có màu đen; vùng cơ quan sinh dục của con cái có màu trắng; chỏm đầu có mào; đuôi dài; con non có màu vàng da cam

Key features: Black; females have white genital area; crest on head; long tail; infants are orange

Sách Đỏ IUCN/IUCN Red List:
Không Có Số Liệu/None
Tình trạng ở Việt Nam/
Vietnam Status:
Thiếu Số Liệu/Data Deficient



Khỉ

Macaques

Khỉ là loài linh trưởng có mặt phổ biến nhất ở Việt Nam. Khỉ hoạt động vào ban ngày. Chúng hoạt động cả ở trên cây lẫn trên mặt đất. Thức ăn của khỉ rất phong phú đa dạng về chủng loại. Chúng ăn cả côn trùng, sáu bọ, cá trái cây, các hạt, quả, vỏ thân cây và lá cây.

Macaques are the most common and widespread primates found in Vietnam and all of Southeast Asia. Macaques are active during the day. They spend time both in the trees and on the ground. Macaques feed on a wide variety of foods, such as insects, fruits, nuts, seeds, bark, and leaves.



Con cái trong thời kỳ động dục = Female in estrus



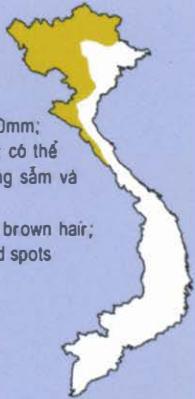
Khỉ Mốc Assamese Macaque *Macaca assamensis*

Đặc điểm nhận biết: Đuôi dài = 140-460mm; lông có màu vàng, xám hoặc nâu vàng; có thể có bộ lông cảm giống như "râu"; có vầng sẫm và dốm bao quanh mắt

Key features: Tail length = 140-460mm; yellow, grey, or brown hair; may have a facial "beard"; eyes may have dark circles and spots around them

Sách Đỏ IUCN/IUCN Red List: Sê Nguy Cấp/Vulnerable

Tình trạng ở Việt Nam/Vietnam Status:
Sê Nguy Cấp/Vulnerable



Khỉ Vàng Rhesus Macaque *Macaca mulatta*

Đặc điểm nhận biết: Đuôi dài = 189-305mm; lông màu vàng, xám hoặc nâu vàng; mặt thường có màu đỏ; hông và mông có màu hung đỏ

Key features: Tail length = 189-305mm; yellow, grey, or brown hair; face is often red; reddish hip and rump

Sách Đỏ IUCN/IUCN Red List:
ít Nguy Cấp/Lower Risk

Tình trạng ở Việt Nam/Vietnam Status: ít Nguy Cấp/Lower Risk



Khỉ Mật Đỏ Stump-Tailed Macaque *Macaca arctoides*

Đặc điểm nhận biết: Đuôi dài = 4-69mm; lông màu nâu xám; mặt đỏ xám; con non mới đẻ có lông màu trắng

Key features: Tail length = 4-69mm; dark brown hair; red-black face; infants are born white

Sách Đỏ IUCN/IUCN Red List: Sê Nguy Cấp/
Vulnerable

Tình trạng ở Việt Nam/Vietnam Status:
Sê Nguy Cấp/Vulnerable



Culi Lorises

Culi có tầm vóc bé nhỏ, là loài linh trưởng di chuyển chậm chạp, trú ngụ ở trên cây và thức ăn chủ yếu là các loài côn trùng, và hoa quả. Culi hoạt động vào ban đêm, ban ngày thì cuộn mình tròn như quả bóng để ngủ. Việt Nam có hai loài culi đó là: Culi Lớn và Culi Nhỏ.



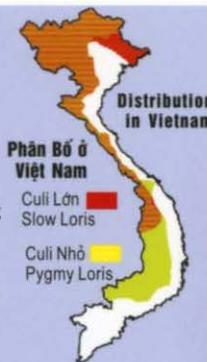
Culi Nhỏ
Pygmy Loris
Nycticebus pygmaeus

Đặc điểm nhận biết: Đầu & thân dài = 210-290mm; lông mượt, màu nâu-da cam; có dải lông màu nhạt hoặc sẫm trên lưng (Culi Nhỏ khi chưa trưởng thành không có dải màu trên lưng)

Key features: Head & body length = 210-290mm; fine, brown-orange hair; faint or dark dorsal stripe (Young Pygmy lorises have no dorsal stripe)

Sách Đỏ IUCN/IUCN Red List: Sê Nguy Cấp/Vulnerable

Tình trạng ở Việt Nam/Vietnam Status: Sê Nguy Cấp/Vulnerable



Culi Lớn
Slow Loris
Nycticebus coucang

Đặc điểm nhận biết: Đầu & thân dài = 265-380mm; lông dày, màu

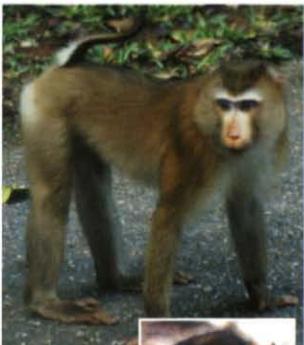
nâu-xám-bạc; có dải lông màu sẫm ở trên lưng
Key features: Head & body length = 265-380mm; thick, brown-grey-white hair; dark dorsal stripe

Sách Đỏ IUCN/IUCN Red List:

Sê Nguy Cấp/Vulnerable

Tình trạng ở Việt Nam/Vietnam Status:

Sê Nguy Cấp/Vulnerable



Khi Đuôi Lợn
Northern
Pig-Tailed
Macaque
Macaca leonina

Đặc điểm nhận biết: Đuôi dài = 130-253mm; đuôi thon dài và có ít hoặc không có lông, đỉnh đầu dẹt; lông màu vàng nhạt-nâu

Key features: Tail length = 130-253mm; tail is slender with little

or no hair; dark, flat patch on top of head; olive-brown hair



Sách Đỏ IUCN/IUCN Red List:
Sê Nguy Cấp/Vulnerable
Tình trạng ở Việt Nam/Vietnam Status:
Sê Nguy Cấp/Vulnerable

Khi Đuôi Dài
Long-Tailed
Macaque
Macaca fascicularis

Đặc điểm nhận biết: Đuôi dài = 400-655mm; lông có thể có màu xám đến nâu đỏ, phần nửa phía trước của thân có màu nhạt hơn; mặt có râu quai nón, có ria hoặc có râu cầm

Key features:

Tail length =

400-655mm;

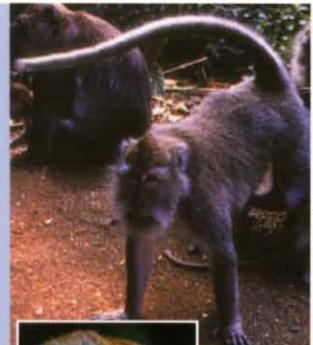
hair is grey to reddish brown; light underparts; whiskers, moustache, or beard on face; infants are born black

Sách Đỏ IUCN/IUCN Red List:

ít Nguy Cấp/Lower Risk

Tình trạng ở Việt Nam/Vietnam Status:

ít Nguy Cấp/Lower Risk



Ảnh Chính = Main Photo: Noel Rowe; Ảnh Lồng Ghép = Inset: Lynne Baker

Khi Macaques

Vượn Gibbons

Ảnh Chính = Main Photo Only; Noel Rowe (digital)



Vượn Đen Black Crested Gibbon *Nomascus concolor*

Đặc điểm nhận biết: Toàn thân màu đen; con cái trưởng thành có thể có màu lông từ xám, vàng hoặc nâu vàng; con non có màu vàng; không có đuôi; tay rất dài
Key features: All black; adult females vary from yellow to beige to orange-yellow and usually have dark hair on the chest or belly (inset shows pelage of adult female); infants are yellow; no tail; long arms

Sách Đỏ IUCN/IUCN Red List: **Nguy Cấp/ENDANGERED**
Tình trạng ở Việt Nam/Vietnam Status:
Cực Ki Nguy Cấp/CRITICALLY ENDANGERED



Vượn Đen Má Vàng Yellow-Cheeked Crested Gibbon *Nomascus gabriellae*

Đặc điểm nhận biết: Thân có màu đen với hai má có màu đỏ-vàng; con cái trưởng thành và con non có lông màu vàng; không có đuôi; hai tay rất dài

Key features: Black with reddish-yellow cheeks; adult females and infants are yellow (inset shows pelage of adult female); no tail; long arms

Sách Đỏ IUCN/IUCN Red List: Thiếu Số Liệu/Data Deficient
Tình trạng ở Việt Nam/Vietnam Status: **Nguy Cấp/ENDANGERED**



Vượn Đen Má Trắng White-Cheeked Crested Gibbon *Nomascus leucogenys*

Đặc điểm nhận biết: Má có lông màu đen hoặc trắng; con cái trưởng thành và con non có lông màu vàng; không có đuôi; tay rất dài

Key features: Black with white cheeks; adult females and infants are yellow (inset shows pelage of adult female); no tail; long arms

Sách ĐỎ IUCN/IUCN Red List: Thiếu Số Liệu/Data Deficient
Tình trạng ở Việt Nam/Vietnam Status: **Nguy Cấp/ENDANGERED**

